

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS) Tên sản phẩm: NATRI SUNPHAT (SODIUM SULFATE)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Natri Sunphat (Sodium Sulfate)
- Mã CAS: 7757-82-6
- Tên khác: Muối Glauber, Disodium sulfate
- Sử dụng đã định: Hóa chất phòng thí nghiệm, xử lý nước, sản xuất giấy, tẩy rửa, dệt nhuộm
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:
 - Không phân loại là hóa chất nguy hiểm theo GHS
- Từ cảnh báo: Không yêu cầu
- Câu cảnh báo nguy hiểm: Không áp dụng
- Câu phòng ngừa:
 - P264: Rửa tay sau khi xử lý
 - P270: Không ăn uống, hút thuốc trong khi sử dụng hóa chất

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần: Natri Sunphat (Na_2SO_4)
- Mã CAS: 7757-82-6
- Tỷ lệ: $\geq 95\%$
- Phân loại: Không phân loại nguy hại theo GHS

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải: Chuyển đến nơi thoáng khí, hỗ trợ y tế nếu thấy khó thở
- Tiếp xúc da: Rửa sạch bằng xà phòng và nước
- Tiếp xúc mắt: Rửa mắt bằng nước sạch liên tục trong 15 phút, đến cơ sở y tế nếu kích ứng kéo dài
- Nuốt phải: Súc miệng bằng nước, không gây nôn nếu không có chỉ định y tế
- Triệu chứng: Có thể gây kích ứng nhẹ mắt, da hoặc đường tiêu hóa nếu tiếp xúc nhiều

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: Nước, bọt, CO_2 , bột khô
- Nguy cơ cháy nổ: Không dễ cháy
- Bảo hộ khi chữa cháy: Mặc thiết bị bảo hộ và mặt nạ nếu có khói bụi

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân: Tránh hít bụi. Mang đầy đủ bảo hộ cá nhân
- Biện pháp môi trường: Không đổ vào cống rãnh, nguồn nước
- Phương pháp làm sạch: Thu gom khô, tránh phát tán bụi, đựng trong thùng kín để xử lý

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn: Tránh tạo bụi, đảm bảo thông gió
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, kín và tránh độ ẩm
- Không tương thích: Axit mạnh, chất khử mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Không có giới hạn phơi nhiễm cụ thể tại Việt Nam
- Trang bị bảo hộ:
 - o Hô hấp: Mặt nạ lọc bụi nếu tiếp xúc lâu dài
 - o Tay: Găng tay bảo hộ chống hóa chất nhẹ
 - o Mắt: Kính bảo hộ
 - o Da: Quần áo bảo hộ cơ bản

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Dạng bột tinh thể hoặc hạt
- Màu sắc: Trắng
- Mùi: Không mùi
- Nhiệt độ nóng chảy: 884°C
- Nhiệt độ sôi: Không áp dụng (phân hủy)
- Độ tan trong nước: 282 g/L (ở 20°C)
- pH (dung dịch 5%): Khoảng 6 – 8

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện thường
- Điều kiện tránh: Ẩm, nhiệt độ cao
- Chất không tương thích: Axit mạnh, kim loại phản ứng mạnh
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Có thể tạo khí SO₂ nếu bị phân hủy bởi axit mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, đường uống): > 5989 mg/kg
- Tác động: Ít độc; có thể gây kích ứng nhẹ da, mắt và đường tiêu hóa nếu tiếp xúc nhiều

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học:
 - o LC50 (96h, cá): > 6800 mg/L
- Phân hủy sinh học: Không phân hủy sinh học
- Ảnh hưởng môi trường: Thấp khi sử dụng và xử lý đúng quy định

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý chất thải: Thu gom và xử lý theo quy định về chất thải thông thường/không nguy hại
- Xử lý bao bì: Rửa sạch, có thể tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- Số UN: Không áp dụng
- Nhóm đóng gói: Không áp dụng
- Loại nguy hiểm: Không nguy hiểm theo tiêu chuẩn vận chuyển quốc tế
- Biện pháp vận chuyển: Đóng kín bao bì, tránh độ ẩm

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- GHS: Không phân loại là hóa chất nguy hại
- TCVN 3164: Không thuộc danh mục hóa chất nguy hiểm bắt buộc khai báo
- Quy định khác: Tuân thủ Luật Hóa chất Việt Nam và các nghị định liên quan

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày cập nhật: 07/10/2025

- Tài liệu tham khảo: GHS, TCVN 9487:2012, Sigma-Aldrich, PubChem, NIOSH

- **Ghi chú:**

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế